

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 217/2022/DS-PT

Ngày 25/8/2022

V/v Chia thừa kế, yêu cầu
công nhận quyền sở hữu đối
với tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Tính.

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thanh Nhàn.

Ông Võ Ngọc Giàu.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Đạt, Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Hà Ngọc Thư Trúc, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số: 138/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2022 về việc tranh chấp “Chia thừa kế, yêu cầu công nhận quyền sở hữu đối với tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 41/2022/DS-ST ngày 06/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 180/2022/QĐXXPT-DS ngày 06 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Đỗ Ngọc V**, sinh năm 1942;

Địa chỉ: Ấp Bình C, xã Tân Bình T, huyện Chợ G, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền: Chị **Dương Mỹ L**, sinh năm 1988 (có mặt);

Địa chỉ: Số 79 ấp Hội G, xã Mỹ Ph, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (Theo Giấy uỷ quyền ngày 17/3/2022).

2. Bị đơn:

2.1. Chị **Đỗ Nguyệt H**, sinh năm 1979;

Người đại diện theo uỷ quyền: Anh **Đỗ Khắc B**, sinh năm 1981 (có mặt);

Đại chỉ: Ấp Tân T, xã Tân Mỹ C, thành phố M, Tiền Giang (Theo Giấy uỷ quyền ngày 04/11/2021).

2.2. Anh **Đỗ Khắc B**, sinh năm 1981 (có mặt);

Cùng ngụ: Ấp Tân T, xã Tân Mỹ C, thành phố M, Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà **Bùi Thị L1**, sinh năm 1955;

Địa chỉ: Ấp Tân T, xã Tân Mỹ C, thành phố M, Tiền Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền: Anh **Đỗ Khắc B**, sinh năm 1981 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp Tân T, xã Tân Mỹ C, thành phố M, Tiền Giang. (Theo Giấy uỷ quyền ngày 04/11/2021).

3.2. Bà **Nguyễn Thị X**, sinh năm 1946 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Bình C, xã Tân Bình Th, huyện Chợ G, Tiền Giang.

4. Người kháng cáo: Bị đơn chị Đỗ Nguyệt H, anh Đỗ Khắc B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị L1.

5. Viện kiểm sát nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang kháng nghị theo Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 03/QĐ-VKS-DS, ngày 20/5/2022.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn chị Dương Mỹ L trình bày:*

Ông Đỗ Ngọc Tr (chết ngày 09/8/2009) là em ruột của ông V. Hàng thừa kế thứ nhất của ông Tr gồm bà Bùi Thị L1 (vợ ông Tr), chị Đỗ Nguyệt H và anh Đỗ Khắc B (con của ông Tr và bà L1).

Di sản do ông Tr chết để lại là thửa đất số 1104, tờ bản đồ số 02, diện tích 767m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00915 do Ủy ban nhân dân huyện Chợ G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 20/7/2009 cho cá nhân ông Đỗ Ngọc Tr; phần đất tọa lạc Ấp Bình C, xã Tân Bình T, huyện Chợ G, tỉnh Tiền Giang. Nguồn gốc phần đất do ông Đỗ Kiến Ph (em ruột ông Tr và ông V) tặng cho riêng ông Tr vào ngày 25/6/2009.

Trên thửa đất số 1104 tờ bản đồ số 02 có một căn nhà cấp 4. Nguồn gốc căn nhà: Ông Tr làm việc tại Bình Dương nhưng mắc bệnh sơ gan nên đầu năm 2009, ông V rước ông Tr về ấp Bình C, xã Tân Bình T để sinh sống cùng gia đình ông V. Ngày 25/6/2009, ông Đỗ Kiến Ph (em ruột ông Tr và ông V) làm thủ tục tặng cho riêng ông Tr thửa đất 1104, đồng thời vợ chồng ông V bỏ toàn bộ chi phí để xây dựng cho ông Tr một ngôi nhà cấp 4, diện tích 40m² (ngang 04m, dài 10m); kết cấu ngôi nhà: Vách tường, nền gạch bông, lợp tole.

Đến ngày 05/08/2009, bệnh tình của ông Tr chuyển biến xấu nên ông Tr đã tự tay viết di chúc để lại thửa đất 1104, tờ bản đồ số 02 cho ông V. Khi ông Tr viết di chúc có hai người làm chứng là ông Đỗ Tấn H1 và bà Nguyễn Ngọc T cùng chứng kiến. Đến ngày 09/8/2009, ông Tr chết. Căn cứ vào kết luận giám định của Công an tỉnh Tiền Giang đã xác định nội dung di chúc, chữ ký và chữ viết họ tên là của ông Đỗ Ngọc Tr. Hiện tại căn nhà đang đóng cửa và phần đất để trống không ai canh tác.

Nay ông Đỗ Ngọc V yêu cầu công nhận di chúc ngày 05/8/2009 của ông Đỗ

Ngọc Tr để lại phần đất thuộc thửa số 1104, tờ bản đồ số 02, diện tích 767m² tại Ấp Bình C, xã Tân Bình T, huyện Chợ G, tỉnh Tiền Giang cho ông V là hợp pháp và yêu cầu chia thừa kế theo di chúc. Đồng thời, ông V yêu cầu xác định căn nhà cấp 4 diện tích 40m² (ngang 4m, dài 10m); kết cấu: vách tường, nền gạch bông, mái tole trên thửa đất số 1104, tờ bản đồ số 02 tại Ấp Bình C, xã Tân Bình T, huyện Chợ G, tỉnh Tiền Giang là tài sản của ông V.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đỗ Khắc B - đồng thời là đại diện uỷ quyền của bị đơn Đỗ Nguyệt H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị L1 thống nhất trình bày:*

Anh và chị H là con của ông Tr và là cháu của ông V. Anh thống nhất với nội dung trình bày của đại diện nguyên đơn về ngày ông Tr chết và hàng thừa kế thứ nhất của ông Tr.

Về di sản do ông Tr chết để lại gồm thửa đất số 1104, tờ bản đồ số 02, diện tích 767m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00915 do Ủy ban nhân dân huyện Chợ G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 20/7/2009 cho cá nhân ông Tr và căn nhà cấp 4 được xây dựng trên thửa đất số 1104; nhà và đất tọa lạc Ấp Bình C, xã Tân Bình T, huyện Chợ G, tỉnh Tiền Giang.

Đối với Tờ di chúc lập ngày 05/8/2009, do ông Tr lập lúc không còn minh mẫn, tỉnh táo vì ngày 05/8/2009 lập di chúc nhưng đến ngày 09/8/2009 thì ông Tr mất. Trước khi ông Tr mất, anh luôn ở bên cạnh chăm sóc ông Tr, lúc này mất ông Tr đã mờ, tai đã lảng. Anh xác định di chúc ngày 05/8/2009 là không hợp pháp vì di chúc thể hiện phần đất không rõ ràng, không có số thửa, số tờ bản đồ và phần đất tọa lạc tại đâu. Hiện tại căn nhà đóng cửa và phần đất để trống không ai canh tác.

Nay với yêu cầu khởi kiện của ông V, anh không đồng ý vì căn nhà là do ông Tr bỏ ra xây dựng nên đây là di sản của ông Tr và Di chúc ngày 05/8/2009 không hợp pháp. Do đó đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị X trình bày:* Bà là vợ của ông V. Bà thống nhất với nội dung trình bày của ông V, tiền bỏ ra xây dựng nhà cho ông Tr là tài sản chung của bà và ông V. Nay bà thống nhất với yêu cầu của ông V và do bận công việc nên bà đề nghị Tòa án cho bà vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

** Người làm chứng ông Đỗ Tấn H1 trình bày:* Ông là anh em cùng cha khác mẹ với ông Tr. Vào năm 2009, ông V có xây cho ông Tr một ngôi nhà diện tích khoảng 40m² để ông Tr ở. Ngày 05/8/2009, ông Tr có gọi cho ông đến nhà ông Tr chứng kiến việc ông Tr lập di chúc. Lúc lập di chúc, tinh thần của ông Tr rất minh mẫn và tỉnh táo. Di chúc do ông Tr tự tay viết và ký tên. Ông cam đoan lời khai của ông là đúng sự thật. Do bận công việc nên ông đề nghị Tòa án cho ông vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

** Người làm chứng bà Nguyễn Ngọc T trình bày:* Bà là chỗ quen biết với ông Tr. Ông V có thuê bà làm ngôi nhà đang tranh chấp cùng ông V ở ấp Bình C, xã Tân Bình T. Theo bà được biết thì tiền vật tư và tiền thợ là do ông V trả. Ngày 05/8/2009, ông Tr có gọi bà đến nhà để chứng kiến ông Tr lập di chúc. Lúc lập di chúc, tinh thần của ông Tr rất minh mẫn và tỉnh táo. Di chúc do ông Tr tự tay viết

và ký tên. Bà cam đoan lời khai của bà là đúng sự thật. Do bận công việc nên bà đề nghị Toà án cho bà vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

** Người làm chứng ông Nguyễn Tấn P trình bày:* Ông làm nghề thợ hồ. Vào khoảng đầu năm 2019, ông V có thuê ông xây dựng một ngôi nhà cấp 4 khoảng 40m² tại ấp Bình C, xã Tân Bình T. Khi đến địa điểm, ông mới biết người ở căn nhà sau này là ông Tr – em của ông V. Trong quá trình xây dựng, ông có nghe ông Tr nói căn nhà này là do ông V bỏ tiền ra xây dựng để cho ông Tr làm nơi sinh sống. Ông và những người xây dựng ngôi nhà đều nhận tiền công từ ông V. Ông cam đoan lời khai của ông là đúng sự thật. Do bận công việc nên ông đề nghị Toà án cho ông vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

** Người làm chứng ông Lê Toàn T1 trình bày:* Ông làm nghề bán vật liệu xây dựng. Vào khoảng đầu năm 2009, ông V có mua vật liệu xây dựng tại cửa hàng của ông để ông V xây dựng một ngôi nhà cấp 4 khoảng 40m² tại ấp Bình C, xã Tân Bình T. Trong quá trình mua bán, ông mới biết ông V cất nhà cho em trai của ông V là ông Tr. Ông cam đoan lời khai của ông là đúng sự thật. Do bận công việc nên ông đề nghị Toà án cho ông vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

** Người làm chứng ông Đỗ Ngọc T2 trình bày:* Ông Tr là anh ruột của ông, đã chết vì bệnh ung thư. Trước khi chết ba ngày, ông Tr không còn minh mẫn, đau đớn do căn bệnh ung thư đang ở thời kỳ cuối. Ông đã ở bên cạnh ông Tr trong những ngày cuối đời và nhận thấy ông Tr nằm trên giường bệnh vật vờ và mê sảng.

** Người làm chứng ông Đỗ Kiến Ph trình bày:* Ông Tr là anh ruột của ông, đã chết vì bệnh ung thư. Nhà ông Tr ở cạnh nhà ông. Trước khi chết ba ngày, ông Tr không còn minh mẫn, đau đớn do căn bệnh ung thư đang ở thời kỳ cuối, mắt mờ không nhận ra người thân trong gia đình. Ông đã ở bên cạnh ông Tr trong những ngày cuối đời và nhận thấy ông Tr nằm trên giường bệnh vật vờ và mê sảng.

Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2022/DS-ST ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang áp dụng Điều 147, Điều 228 và Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 158, 613, 621, 623, 644, 659 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Ngọc V đối với anh Đỗ Khắc B và chị Đỗ Nguyệt H.

Công nhận ngôi nhà cấp 4, diện tích 46.2m²; Kết cấu: Móng cột bê-tông, kèo dầm gỗ, mái tole, nền gạch bông 200 x 200, trần một xóp, vách tường. Căn nhà được xây dựng trên thửa đất 1104, tờ bản đồ số 02 thuộc quyền sở hữu của ông Đỗ Ngọc V.

Công nhận Đơn xin lập di chúc ngày 05/8/2009 của ông Đỗ Ngọc Tr là hợp pháp.

Chia di sản thừa kế của ông Đỗ Ngọc Tr theo di chúc ngày 05/8/2009:

- Ông Đỗ Ngọc V được quyền quản lý, sử dụng phần đất diện tích 767m² (qua đo đạc thực tế là 779.4m²) thuộc thửa đất số 1104, tờ bản đồ số theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00915 do Ủy ban nhân dân huyện Chợ G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 20/7/2009 cho cá nhân ông Đỗ Ngọc Tr. Phần đất tọa lạc Ấp Bình C, xã Tân Bình T, huyện Chợ G, tỉnh Tiền Giang. Phần đất có tứ cận như sau:

- + Phía Bắc giáp đất ông Đỗ Kiến Ph;
- + Phía Nam giáp lộ Tập đoàn 1;
- + Phía Đông Giáp mương thoát nước;
- + Phía Tây giáp đất Đỗ Kiến Ph.

(Có sơ đồ đất kèm theo).

- Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên theo quy định pháp luật.

2. Về chi phí tố tụng:

Anh Đỗ Khắc B và chị Đỗ Nguyệt H có nghĩa vụ trả cho ông Đỗ Ngọc V số tiền 9.310.000 đồng (Chín triệu ba trăm mười ngàn đồng), thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí:

Ông Đỗ Ngọc V là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí.

Anh Đỗ Khắc B và chị Đỗ Nguyệt H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

Ngày 19 tháng 5 năm 2022, bị đơn Đỗ Nguyệt H, Đỗ Khắc B có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử theo hướng sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 20 tháng 5 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 03/QĐ-VKS-DS yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử theo hướng sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định bà L1 là vợ ông Tr là người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc theo quy định tại Điều 644 Bộ luật dân sự năm 2015, xem xét đến công sức của ông V trong việc quản lý đối với di sản.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn ông Đỗ Khắc B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không có nộp bổ sung, tài liệu chứng cứ.

Đại diện nguyên đơn đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Thay đổi một phần Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 03/QĐ-VKS-DS, chỉ yêu cầu sửa án theo hướng chia cho bà L1 được hưởng 2/3 suất của một người thừa kế theo pháp luật và Anh B chị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. vụ án vẫn giữ kháng nghị đề nghị sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng cho bà L1 được hưởng 2/3 một suất của người thừa kế theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật, Tòa án nhận định:

[1]. Xét về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Ngọc V, cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Chia thừa kế và yêu cầu xác định quyền sở hữu đối với tài sản” được quy định tại Điều 158 và Điều 659 Bộ luật dân sự là có căn cứ.

[2]. Xét về thời hạn kháng cáo, kháng nghị: Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2022/DS-ST của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang ban hành ngày 06 tháng 5 năm 2022. Ngày 19/5/2022, Anh B, chị H và bà L1 kháng cáo và biên lai nộp tạm ứng án phí phúc thẩm cùng ngày. Ngày 20/5/2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố M có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 03/QĐ-VKS-DS. Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định của Điều 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định kháng cáo và kháng nghị còn trong thời hạn theo quy định.

[3]. Sự vắng mặt của đương sự: Xét thấy, ông Đỗ Ngọc V là nguyên đơn vắng mặt có đại diện theo ủy quyền là chị Dương Mỹ L có mặt; chị Đỗ Nguyệt H là bị đơn vắng mặt có anh Đỗ Khắc B đại diện có mặt, bà Bùi Thị L1 là người liên quan vắng mặt có anh Đỗ Khắc B đại diện có mặt, bà Nguyễn Thị X là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ các điều 294, 296 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[4]. Đối với việc thay đổi một phần kháng nghị, chỉ yêu cầu sửa án theo hướng chia cho bà L1 được hưởng 2/3 suất của một người thừa kế theo pháp luật và Anh B chị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Xét việc thay đổi kháng nghị của đại diện Viện kiểm sát là không vượt quá phạm vi kháng nghị ban đầu nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 284 Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận.

[5]. Xét kháng cáo của bị đơn anh Đỗ Khắc B cũng là đại diện theo ủy quyền của bị đơn Đỗ Nguyệt H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị L1 yêu cầu cấp Phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5.1]. Xác định ai có quyền sở hữu đối với căn nhà cấp 4; diện tích 46.2m² tọa lạc Ấp Bình C, xã Tân Bình T, huyện Chợ G, tỉnh Tiền Giang.

Ông V cho rằng đầu năm 2009, ông Tr về sống chung với vợ chồng ông V tại ấp Bình C, xã Tân Bình T, huyện Chợ Gao, tỉnh Tiền Giang. Trong năm 2009, ông V cùng vợ là bà X đã dùng tiền của mình để xây dựng ngôi nhà đang tranh

chấp trên thửa đất 1104 do ông Tr đứng tên quyền sử dụng đất. Ông V xây dựng ngôi nhà trên cho ông Tr ở đến cuối đời của ông Tr. Chứng cứ mà ông V đưa ra là xác nhận của những người làm chứng gồm ông H1, bà Th, ông P và ông T1. Tại Bản tự khai của ông H1, bà Th, ông P và ông T1 đều xác nhận tiền vật tư và tiền công thợ xây dựng ngôi nhà đang tranh chấp đều do ông V chi trả cho họ. Anh B thừa nhận ông V là người trực tiếp thuê nhân công xây dựng căn nhà, trả tiền công thợ và tiền vật tư xây dựng. Tuy nhiên, Anh B cho rằng nguồn tiền là do Anh B và ông Tr đưa cho ông V nhưng đại diện uỷ quyền của nguyên đơn không thừa nhận, đồng thời Anh B cũng không có tài liệu, chứng cứ cho lời trình bày của mình.

Như vậy, xác định căn nhà cấp 4, diện tích 46.2m² tọa lạc Ấp Bình C, xã Tân Bình T, huyện Chợ G, tỉnh Tiền Giang thuộc quyền sở hữu của ông V.

[5.2]. Xét tính hiệu lực của Đơn xin lập di chúc ngày 05/8/2009

[5.2.1]. Về hình thức của di chúc: Căn cứ vào Kết luận giám định số 504/KLHS-GĐ ngày 18/5/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự thuộc Công an tỉnh Tiền Giang có đủ cơ sở xác định “Đơn xin lập di chúc ngày 05/8/2009” do ông Tr viết, đồng thời có hai người làm chứng xác nhận. Do đó về hình thức của di chúc phù hợp với Điều 649 Bộ luật dân sự năm 2005.

[5.2.2]. Về nội dung của di chúc: Tại Đơn xin lập di chúc ngày 05/8/2009 thể hiện “Di chúc nhường quyền sử dụng đất vườn với diện tích đất là 767m² phần đất tọa lạc trên khu nhà ở. Tôi tên Đỗ Ngọc Tr sinh năm 1948 xin nhường lại quyền sử dụng đất cho anh ruột tôi tên Đỗ Ngọc V sinh năm 1942 vì anh tôi là người có công nuôi dưỡng lúc tôi mạnh khỏe cũng như khi tôi mất”. Xét thấy, nội dung di chúc không ghi rõ số thửa đất, số bản đồ và số Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ai, cấp vào ngày tháng năm nào. Tuy nhiên, căn cứ vào Biên bản xác minh ngày 28/4/2021 của Toà án nhân dân thành phố M tại Ủy ban nhân dân xã Tân Bình T, huyện Chợ G, tỉnh Tiền Giang và lời thừa nhận của các đương sự thể hiện ngoài thửa đất số 1104, diện tích 767m² thì ông Tr không còn thửa đất nào khác trên địa bàn xã Tân Bình T, huyện Chợ G, tỉnh Tiền Giang. Đồng thời căn cứ vào lời khai của người làm chứng là ông Đỗ Tấn H1 và bà Nguyễn Ngọc T có đủ cơ sở xác định ý chí của ông Tr vào thời điểm lập di chúc là để lại thửa đất số 1104, tờ bản đồ số 02, diện tích 767m² cho ông Đỗ Ngọc V được toàn quyền quản lý, sử dụng. Ngoài ra, tại Biên bản xác minh ngày 29/4/2022 và tại Đơn yêu cầu xác minh của chị Đoàn Thị D đều thể hiện trước khi ông Tr mất thì ông Tr đã từng liên hệ với Ủy ban nhân dân xã Tân Bình T để làm thủ tục tặng cho thửa đất trên cho ông V. Do đó, nội dung của di chúc lập ngày 05/8/2009 phù hợp với quy định tại Điều 653 Bộ luật dân sự năm 2005. Bị đơn và người làm chứng cho bị đơn gồm ông Đỗ Ngọc T2, ông Đỗ Kiến Ph cho rằng vào thời điểm lập di chúc, ông Tr không còn minh mẫn, tỉnh táo, đã hôn mê; tuy nhiên các đương sự không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình nên không có cơ sở xem xét.

Như vậy, di chúc nêu trên có hình thức và nội dung phù hợp quy định tại Điều 649 và Điều 653 Bộ luật dân sự năm 2005 nên Đơn xin lập di chúc ngày 05/8/2009

là hợp pháp. Do đó yêu cầu chia thừa kế theo di chúc của ông V là phù hợp với quy định tại Điều 659 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Tòa án chấp nhận.

[6]. Xét yêu cầu chia thừa kế theo di chúc của ông Đỗ Ngọc V:

[6.1]. Về hàng thừa kế của ông Đỗ Ngọc Tr: Các đương sự đều thống nhất hàng thừa kế thứ nhất của ông Tr gồm có bà Bùi Thị L1, chị Đỗ Nguyệt H và anh Đỗ Khắc B. Lời thừa nhận của các đương sự phù hợp với giấy khai sinh của Anh B, chị H; phù hợp với sơ yếu lý lịch của anh Đỗ Khắc B đã được Công an xã Tân Mỹ C, thành phố M xác nhận vào ngày 11/01/2022 và sơ yếu lý lịch của ông Đỗ Ngọc V được Ủy ban nhân dân xã Tân Bình T, huyện Chợ G xác nhận ngày 08/4/2021. Do đó, căn cứ vào Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Đỗ Ngọc Tr gồm có bà Bùi Thị L1, chị Đỗ Nguyệt H và anh Đỗ Khắc B.

Bà L1 là vợ hợp pháp của ông Tr, theo quy định tại Điều 644 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì bà L1 thuộc diện người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc, cho nên bà L1 phải được hưởng một kỷ phần thừa kế ít nhất bằng 2/3 suất của một người thừa kế theo pháp luật nếu di sản được chia theo pháp luật. Tuy nhiên, nguồn gốc của thửa đất 1104 là do ông Tr được tặng cho riêng vào ngày 20/7/2009 và đến ngày 09/8/2009 thì ông Tr chết, bà L1 không có công sức đóng góp trong khối di sản do ông Tr chết để lại. Từ năm 1998, ông Tr bị bệnh ung thư về sống chung với gia đình ông; năm 2009, ông V cất nhà cho ông Tr ở, ông Tr ở một mình cho đến khi qua đời và trong lúc ông Tr ốm đau là do gia đình nguyên đơn chăm sóc. Tại nội dung tờ di chúc ngày 05/8/2009, ông Tr cũng xác nhận nguyên đơn là người chăm sóc ông Tr lúc khỏe mạnh cũng như lúc ốm đau. Lời xác nhận của ông Tr phù hợp với Đơn xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Tân Bình T vào ngày 18/7/2013. Tại phiên tòa xét xử ngày 18/4/2022, Anh B là đại diện ủy quyền của bà L1, chị H đồng thời là bị đơn trong vụ án đã thừa nhận: Bà L1 và ông Tr chung sống như vợ chồng từ trước năm 1976, ông Tr và bà L1 là nghệ sĩ cải lương, nay đây mai đó, không có chỗ ở ổn định, khi chị H được 07 (bảy) năm tuổi (khoảng năm 1986), bà L1 đã về nhà cha mẹ ruột sống tại xã Tân Mỹ C, ông Tr vẫn theo đoàn hát cải lương. Bà L1 không còn liên hệ với ông Tr từ năm 1986 do ông Tr có mối quan hệ bên ngoài với người phụ nữ khác. Như vậy, có đủ cơ sở xác định từ năm 1986 cho đến khi ông Tr mất, ông Tr và bà L1 đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc nhau; khi ông Tr lâm bệnh thì bà L1 cũng không tới lui thăm nom, chăm sóc, lo lắng cho ông Tr; bà L1 có đời sống kinh tế độc lập, không phụ thuộc vào tài sản ông Tr.

Do đó, căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 621 Bộ luật dân sự năm 2015, bà L1 không thuộc diện được hưởng di sản của ông Tr theo quy định tại Điều 644 Bộ luật dân sự.

[6.2]. Về di sản thừa kế của ông Tr để lại:

[6.2.1]. Đối với thửa đất 1104: Bà L1 và ông Tr chung sống với nhau như vợ chồng từ trước năm 1976 nhưng không có đăng ký hôn. Do đó, căn cứ vào Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-KSNDTC-BTP ngày 03/01/2001, hôn nhân của ông Tr và bà L1 được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận từ thời điểm sống chung. Thửa đất 1104, ông Tr được Ủy ban nhân dân

huyện Chợ G, tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 20/7/2009, trong thời kỳ hôn nhân của ông Tr và bà L1. Tuy nhiên, căn cứ vào hồ sơ cấp đất của ông Tr và lời thừa nhận của các đương sự có đủ cơ sở xác định thửa đất số 1104 là tài sản riêng của ông Tr do ông Tr được tặng cho riêng vào năm 2009.

[6.2.2]. Về căn nhà cấp 4 diện tích 46.2m² như nhận định ở mục [5.1] thuộc quyền sở hữu hữu của ông V. Do đó, có đủ cơ sở xác định di sản do ông Tr chết để lại chỉ có thửa đất 1104, tờ bản đồ số 02, diện tích là 767m² qua đo đạc thực tế là 779.4m²; tọa lạc Ấp Bình C, xã Tân Bình T, huyện Chợ G, tỉnh Tiền Giang.

[6.3]. Như vậy, yêu cầu chia thừa kế theo di chúc của ông V là có căn cứ theo quy định tại Điều 659 Bộ luật dân sự năm 2015.

[7]. Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang:

[7.1]. Đối với yêu cầu kháng nghị đề nghị xác định bà L1 vợ ông Tr là người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc theo quy định tại Điều 644 Bộ luật dân sự năm 2015: Như đã phân tích ở mục [6.1] đã xác định bà L1 không đủ điều kiện để hưởng thừa kế theo quy định tại Điều 644 Bộ luật dân sự năm 2015.

[7.2]. Đối với yêu cầu kháng nghị chị H và Anh B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Xét thấy cấp sơ thẩm buộc Anh B và chị H chịu 300.000 đồng án phí là không có cơ sở. Căn cứ theo điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì đây là trường hợp vụ án có liên quan đến di sản thừa kế nên đương sự chỉ chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị tài sản mà họ được chia trong khối di sản thừa kế. Đối với phần Tòa án bác đơn yêu cầu thì người yêu cầu chia di sản thừa kế không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Chị H và Anh B không có yêu cầu chia di sản thừa kế nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi kháng nghị và chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố M, sửa bản án sơ thẩm về án phí.

[8]. Xét thấy, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo là có cơ sở một phần về án phí nên chấp nhận, sửa án sơ thẩm về án phí.

[9]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án có liên quan đến kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên họ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 147, Điều 228 và Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 158, 613, 621, 623, 644, 659 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm a, khoản 7 Điều 27, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Căn cứ Luật thi hành án Dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Đỗ Khắc B, chị Đỗ Nguyệt H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị L1; Chấp nhận một phần kháng nghị số 03/QĐ-VKS-DS, ngày 20/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang; Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2022/DS-ST ngày 06/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Ngọc V đối với anh Đỗ Khắc B và chị Đỗ Nguyệt H.

Công nhận ngôi nhà cấp 4, diện tích 46.2m²; Kết cấu: Móng cột bê-tông, kèo dầm gỗ, mái tole, nền gạch bông 200 x 200, trần một xóp, vách tường. Căn nhà được xây dựng trên thửa đất 1104, tờ bản đồ số 02 thuộc quyền sở hữu của ông Đỗ Ngọc V.

Công nhận Đơn xin lập di chúc ngày 05/8/2009 của ông Đỗ Ngọc Tr là hợp pháp.

Chia di sản thừa kế của ông Đỗ Ngọc Tr theo di chúc ngày 05/8/2009:

- Ông Đỗ Ngọc V được quyền quản lý, sử dụng phần đất diện tích 767m² (qua đo đạc thực tế là 779.4m²) thuộc thửa đất số 1104, tờ bản đồ số theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00915 do Ủy ban nhân dân huyện Chợ G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 20/7/2009 cho cá nhân ông Đỗ Ngọc Tr. Phần đất tọa lạc Ấp Bình C, xã Tân Bình T, huyện Chợ G, tỉnh Tiền Giang. Phần đất có tứ cận như sau:

- + Phía Bắc giáp đất ông Đỗ Kiến Ph;
- + Phía Nam giáp lộ Tập đoàn 1;
- + Phía Đông Giáp mương thoát nước;
- + Phía Tây giáp đất Đỗ Kiến Ph.

(Có sơ đồ đất kèm theo).

- Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên theo quy định pháp luật.

1.2. Về chi phí tố tụng:

Anh Đỗ Khắc B và chị Đỗ Nguyệt H có nghĩa vụ trả cho ông Đỗ Ngọc V số tiền 9.310.000 đồng (Chín triệu ba trăm mười ngàn đồng), thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí:

2.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Đỗ Ngọc V là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí.
- Anh Đỗ Khắc B và chị Đỗ Nguyệt H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Đỗ Khắc B, chị Đỗ Nguyệt H và bà Bùi Thị L1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, mỗi người được hoàn lại số tiền

300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo các biên lai thu số 0022274, 0022275, 0022276 cùng ngày 20/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thành phố M;
- THADS thành phố M;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hữu Tính